TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2018/DS-PT
Ngày: 29-11-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.
Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27-11-2018 và ngày 29-11-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2018/TLPT-DS ngày 22-10-2018, về việc "Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 17-9-2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2018/QĐ-PT ngày 25-10-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồng Văn L; Sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn P; Sinh năm: 1983; Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Mỹ T; Sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Quốc K; Sinh năm: 1979; Địa chỉ cư trú: Khóm T, Phường Y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Dương Văn Đ; Sinh năm: 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn T1; Sinh năm: 1988; Địa chỉ cư trú: Khu vực Z, Phường N, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

5. Ông Lê Vũ M; Sinh năm: 1987; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

6. Ông Hoàng Minh T2; Sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp M1, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Văn P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện lập ngày 14-11-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồng Văn L trình bày như sau: Vào ngày 22-6-2017, ông L và ông Ngô Văn P có ký hợp đồng mua bán lúa, theo thỏa thuận ông L đặt cọc cho ông P số tiền 240.000.000 đồng để ông P thực hiện việc bán lúa cho ông L số lượng là 1.200 tấn lúa với giá 5.200 đồng/kg, loại lúa 5451, thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày 22-6-2017 đến ngày 01-7-2017 Âm lịch (năm 2017 có hai tháng 6). Hai bên thỏa thuận, nếu đến hạn hợp đồng mà ông L không mua lúa của ông P thì ông L bỏ tiền cọc và ngược lại, nếu ông P không giao lúa cho ông L thì bồi thường gấp đôi tiền cọc, hợp đồng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L. Đến thời hạn giao nhận lúa, ông L thuê ghe qua để chở lúa theo thỏa thuận thì ông P không có lúa để giao cho ông L mà dẫn đi nhiều chỗ vẫn không thu mua được lúa, cuối cùng ông L phải tự bỏ tiền ra để thu mua được số lượng lúa là 160 tấn. Ông L yêu cầu ông P trả lại tiền cọc nhưng ông P chỉ trả 30.000.000 đồng rồi ngưng luôn cho đến nay. Theo đơn khởi kiện, ông L yêu cầu ông P và bà Nguyễn Mỹ T có trách nhiệm trả số tiền cọc 240.000.000 đồng và bồi thường tiền cọc 240.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bồi thường số tiền thuê mướn ghe qua chở lúa 5.300.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông L chỉ yêu cầu ông P trả số tiền cọc 210.000.000 đồng và bồi thường tiền cọc 210.000.000 đồng, không yêu cầu bà T cùng có trách nhiệm trả tiền với ông P và không yêu cầu đối với số tiền 5.300.000 đồng thuê ghe.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ngô Văn P trình bày như sau: Vào ngày 22-6-2017, giữa ông P và ông L có ký kết hợp đồng mua bán lúa. Sau khi ký hợp đồng xong, ông P có nhận của ông L số tiền cọc là 240.000.000 đồng. Đến hạn, ông L đến nhận lúa 02 ngày được 160 tấn, giá lúa lúc đó là 5.100đồng/kg và nhận lại tiền cọc là 30.000.000đồng có làm biên nhận. Qua ngày hôm sau, ông P có trả lại tiền cọc cho ông L thêm 15.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận. Qua ngày tiếp theo ông P giao thêm 100 tấn lúa cho ông L nhưng do lúa sụt giá, lỗ 300 đồng/kg lúa nên ông L không mua lúa. Việc ông L cho rằng ông L đem ghe xuống mà ông P không giao lúa là không đúng, thực tế là do ông L không chịu nhận lúa. Việc ông L không nhận lúa ông P có báo cho ông Nguyễn Quốc K là Phó Bí thư Khóm T lập biên bản. Do hai bên đã thỏa thuận không cân lúa thì mất cọc và ông L không cân lúa thì xem như mất cọc nên ông P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Mỹ T trình bày như sau: Bà T là vợ ông Ngô Văn P, việc hợp đồng đặt cọc mua lúa giữa ông P với ông L thì bà T không biết gì.

* Vụ án được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 17-9-2018 của Tòa án nhân dân thị xã N đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 227, Điều 229, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Hồng Văn L về việc yêu cầu ông Ngô Văn P trả lại tiền cọc và phạt cọc. Buộc ông Ngô Văn P trả cho ông Hồng Văn L 210.000.000 đồng tiền cọc và 210.000.000 đồng tiền phạt cọc, tổng cộng 420.000.000 đồng; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phần tiền thuê mướn ghe của ông L đối với ông P và phần ông L không yêu cầu bà T phải có trách nhiệm cùng ông P trả tiền cho ông L.

- Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 02-10-2018, bị đơn Ngô Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồng Văn L.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn Ngô Văn P không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Mỹ T nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt; người làm chứng Nguyễn Quốc K, Dương Văn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T1, Lê Vũ M, Hoàng Minh T2 vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai hoặc có tường trình gửi Tòa án. Căn cứ vào Điều 296, Điều 297, Điều 228, Điều 229 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo lập ngày 01-10-2018 của bị đơn Ngô Văn P nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân thị xã N vào ngày 02-10-2018 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo Đơn kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân

sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 17-9-2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét lý do kháng cáo của bị đơn Ngô Văn P cho rằng không nhận được giấy triệu tập lần hai và lần ba nên không tham gia phiên tòa sơ thẩm: Vào ngày 01-8-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N ông Ngô Văn P đã được tống đạt trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST-DS ngày 27-7-2018 và Giấy triệu tập đương sự số 285/GTT-TA ngày 27-7-2018 (bút lục số 73). Đến ngày 24-8-2018, Tòa án nhân dân thị xã N mở phiên tòa sơ thẩm lần 1 nhưng ông P vắng mặt nên phiên tòa được hoãn. Vào ngày 29-8-2018, tại nhà ông P ở ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, cán bộ Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2018/QĐST-DS ngày 24-8-2018 và Giấy triệu tập số 343/GTT-TA ngày 24-8-2018 cho ông P nhưng ông P vắng nhà và bà Nguyễn Cẩm T là người thân, sinh sống cùng nhà với ông P đã nhận thay và cam kết giao lại các văn bản tố tụng trên cho ông P (bút lục số 97). Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông P chỉ cung cấp cho Tòa án địa chỉ cư trú ở ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Tòa án nhân dân thị xã N đã tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự cho ông Ngô Văn P theo đúng quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, ngày 17-9-2018 ông P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần hai khi đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét lý do kháng cáo của bị đơn Ngô Văn P cho rằng nguyên đơn Hồng Văn L không thực hiện việc mua lúa theo hợp đồng nên phải mất tiền cọc: Vào vụ lúa hè thu năm 2017, giữa ông Hồng Văn L và ông Ngô Văn P có ký kết với nhau Hợp đồng mua bán lúa ngày 22-6-2017, hợp đồng được lập thành văn bản và có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã L (bút lục số 16-17). Theo hợp đồng, bên mua là ông L có thỏa thuận mua của bên bán là ông P 1.200 tấn lúa (loại lúa 5451) với đơn giá cố định 5.200 đồng/kg trong thời gian từ ngày 10-6-2017 đến ngày 01-7-2017 Âm lịch (năm 2017 có hai tháng 6) và ông L đã đặt cọc cho ông P số tiền 240.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận, nếu ông L không đến nhận lúa thì mất tiền cọc còn ngược lại nếu ông P không giao lúa thì bồi thường gấp đôi tiền cọc. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông L và ông P đều thừa nhận có thỏa thuận như trên và ông P đã trả lại cho ông L số tiền cọc là 30.000.000 đồng. Ông L cho rằng đến thời hạn giao lúa thì ông P không có lúa để giao, ngược lại ông P cho rằng đến thời hạn giao lúa thì ông L chỉ nhận lúa 160 tấn và do giá lúa sụt nên ông L không cân nữa, việc này ông có báo với ông Nguyễn Quốc K-Phó Bí thư Chi bộ khóm T để lập biên bản về việc ông L không đồng ý tiếp tục thu mua lúa. Xét thấy, việc ông P cho rằng vào thời điểm ông L đến cân lúa thì giá lúa sụt nên ông L không đồng ý tiếp tục thu mua lúa nữa là không có căn cứ vì theo xác nhận của ông K thì giá lúa thời điểm đó là 5.300 đồng/kg tức là vẫn cao hơn giá lúa hai bên đã thỏa thuận 5.200 đồng/kg theo nội dung hợp đồng mua bán lúa ngày 22-6-2017 (bút lục số 63-64-64A). Đối với việc ông P cho rằng việc ông L không đồng ý tiếp tục thu mua lúa ông có báo với ông K đến lập biên bản về việc không mua lúa vụ hè thu vào ngày 25-6-2017 thì ông K cũng xác nhận ông

không hề biết ông L là ai, lúc lập biên bản cũng không có mặt người mua lúa, ông không biết người mua lúa là ai và họ tên là gì chỉ nghe ông P nói họ tên là Trần Văn L nên ông ghi vào biên bản, sau đó ông P nói lại là người mua lúa họ Hồng nên ông sửa lại trong biên bản thành tên Hồng Văn L (bút lục số 63-64-64A). Căn cứ vào nội dung biên bản về việc không mua lúa vụ hè thu ngày 25-6-2017 cũng như lời xác nhận của ông K nêu trên không có cơ sở xác định việc ông L không đồng ý tiếp tục thu mua lúa như ông P đã trình bày. Hơn nữa, ông P cho rằng ông L không đồng ý tiếp tục thu mua lúa nhưng ông P lại trả tiền cọc 30.000.000 đồng cho ông L. Như vậy, việc ông P không giao lúa cho ông L theo nội dung thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán lúa ngày 22-6-2017 là ông P đã vi phạm hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và buộc ông P phải trả cho ông L số tiền cọc 210.000.000 đồng còn lại và bồi thường tiền cọc 210.000.000 đồng, tổng cộng 420.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn Ngô Văn P là không có căn cứ để chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Ngô Văn P chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngô Văn P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 17-9-2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và tuyên lại như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 227, Điều 229, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 328 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Văn L về việc yêu cầu ông Ngô Văn P trả lại tiền cọc và phạt cọc.

Buộc ông Ngô Văn P trả cho ông Hồng Văn L 210.000.000 đồng tiền cọc và 210.000.000 đồng tiền phạt cọc, tổng cộng 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Hồng Văn L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Ngô Văn P còn phải trả lãi cho ông Hồng Văn L theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phần tiền thuê mướn ghe của ông Hồng Văn L đối với ông Ngô Văn P và phần ông Hồng Văn L yêu cầu bà Nguyễn Mỹ T phải có trách nhiệm cùng ông Ngô Văn P trả tiền cho ông Hồng Văn L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn P chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.800.000 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm ngàn đồng). Trả lại cho ông Hồng Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.853.000 đồng (Mười triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008116 ngày 23-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn P chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005063 ngày 05-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, ông Ngô Văn P đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí dân sự phúc thẩm.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.